

MOTIVATING FACTORS AND NEW LIVELIHOOD STRATEGIES OF THE CO - TU PEOPLE IN QUANG NAM PROVINCE

Le Ngoc Huynh

Institute of Anthropology and Religious Studies

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	29/5/2025	The purpose of this study is to investigate the factors that promote and change the livelihood strategies of the Co - tu ethnic in the border areas of Tay Giang and Nam Giang districts of Quang Nam province. To achieve this, we conducted field observations, in-depth interviews, and utilized quantitative methods to process information and data. Our findings reveal that the decline in resources, particularly in the area of cultivated land, the state's economic development support policies, and socio - cultural changes have prompted the Co - tu ethnic to alter their livelihood strategies. They have adapted by selecting crops that are suitable for the natural conditions, utilizing ethnic folk knowledge, and expanding their livestock farming in a market-oriented manner, while also incorporating science and technology. Additionally, the younger labor force has shifted towards non-agricultural activities. These changes show that the economic thinking of the Co - tu people has begun to change, gradually adapting to modern society and improving their living standards.
Revised:	23/9/2025	
Published:	23/9/2025	
KEYWORDS		
Co - tu ethnic		
Livelihood strategy		
Economic anthropology		
Border livelihoods		
Ethnology		

NGUYÊN NHÂN THÚC ĐẨY VÀ CHIẾN LƯỢC SINH KẾ MỚI CỦA NGƯỜI CƠ - TU Ở TỈNH QUẢNG NAM

Lê Ngọc Huỳnh

Viện Dân tộc học và Tôn giáo học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	29/5/2025	Mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu những yếu tố thúc đẩy và sự thay đổi chiến lược sinh kế của người Cơ - tu ở khu vực biên giới của hai huyện Tây Giang và Nam Giang thuộc tỉnh Quảng Nam. Để đạt được mục đích, chúng tôi quan sát thực địa, phỏng vấn sâu kết hợp với phương pháp định lượng, xử lý thông tin, số liệu. Kết quả cho thấy, sự suy giảm nguồn tài nguyên, đặc biệt diện tích đất canh tác, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế của Nhà nước và những thay đổi văn hóa xã hội đã thúc đẩy người Cơ - tu lựa chọn chiến lược sinh kế mới. Họ lựa chọn cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên, tri thức dân gian tộc người và mở rộng quy mô chăn nuôi theo hướng thị trường kết hợp áp dụng khoa học kỹ thuật. Đồng thời, lực lượng lao động trẻ đang dịch chuyển theo hướng phi nông nghiệp. Những thay đổi này thể hiện tư duy kinh tế của người Cơ - tu bắt đầu thay đổi, từng bước thích ứng với xã hội hiện đại, nâng cao mức sống.
Ngày hoàn thiện:	23/9/2025	
Ngày đăng:	23/9/2025	
TỪ KHÓA		
Dân tộc Cơ - tu		
Chiến lược sinh kế		
Nhân học kinh tế		
Sinh kế vùng biên		
Dân tộc học		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12915>

Email: huynhathno@gmail.com

<http://jst.tnu.edu.vn>

170

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

1.1. Vấn đề nghiên cứu

Người Cơ - tu là dân tộc bản địa của Việt Nam, thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer sinh sống tập trung ở khu vực biên giới của các tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế, với dân số chưa đến 60.000 người. Tính riêng tỉnh Quảng Nam có khoảng 55.091 người Cơ - tu [1]. Họ sống gắn bó lâu đời với vùng núi Trường Sơn, nơi có nguồn tài nguyên động thực vật phong phú, đất đai rộng lớn, nhưng địa hình cao, dốc, bị chia cắt mạnh, dễ bị tác động bởi lũ lụt. Bởi vậy, hoạt động sinh kế, văn hóa, xã hội, cách sắp xếp nơi ở của họ ảnh hưởng sâu sắc từ môi trường sống xung quanh. Người Cơ - tu có nền kinh tế tự cung tự cấp, sản xuất lương thực theo phương thức luân canh, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên [2]. Phương pháp canh tác này giúp họ đảm bảo nhu cầu ăn uống, đồng thời thúc đẩy sự quản lý, bảo vệ môi trường sinh thái, phản ánh mối quan hệ sâu sắc của người Cơ - tu với môi trường tự nhiên. Cấu trúc xã hội của người Cơ - tu xây dựng dựa trên mối quan hệ họ hàng, thị tộc tạo nên bản sắc văn hóa và sự gắn kết xã hội.

Do vậy, nhiều nhà khoa học đã nghiên cứu bản sắc văn hoá, sự thay đổi và khả năng thích ứng của người Cơ - tu [3], đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá của người dân trong bối cảnh xã hội đương đại [4]. Đối với đời sống kinh tế, một số nhà khoa học nghiên cứu người Cơ - tu ở khu vực tái định cư cho xây dựng thủy điện nhận thấy, người dân đã thực hiện thay đổi trong cơ cấu cây trồng, vật nuôi, kỹ thuật canh tác [5], [6], bắt đầu tham gia vào một vài hoạt động kinh tế phi nông nghiệp như làm thuê, công nhân [7] nhờ sự hỗ trợ của mạng lưới xã hội [8]. Song, những thay đổi trong sinh kế của người dân chưa nhiều, họ vẫn dựa vào khai thác nguồn lợi từ môi trường tự nhiên.

Trong khi đó, cộng đồng người Cơ - tu ở khu vực biên giới của hai huyện Tây Giang và Nam Giang có đời sống kinh tế kém phát triển, tỷ lệ hộ nghèo lên đến 51,61% ở huyện Tây Giang [9] và huyện Nam Giang là 35,58% [10] chưa nhận được sự quan tâm thích đáng. Đặc biệt, khi yếu tố kinh tế thị trường xâm nhập vào cộng đồng người Cơ - tu tạo ra sự giao thoa giữa truyền thống và yếu tố hiện đại đã nảy sinh nhiều thách thức, kèm theo tình trạng khí hậu biến đổi bất thường với nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan khiến người dân đang phải đối mặt với một số vấn đề: (1) việc khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên bởi sự gia tăng dân số khiến nguồn tài nguyên rừng suy giảm mạnh; (2) biến đổi khí hậu gây ra tình trạng hạn hán, mưa lũ nhiều dẫn đến sạt lở, mất đất canh tác, chất lượng đất giảm; (3) chính sách quy hoạch rừng, khu bảo tồn thiên nhiên,... của Nhà nước đã góp phần thu hẹp không gian canh tác của người dân. Những vấn đề trên đây người dân rơi vào tình trạng mất an ninh lương thực khiến họ phải điều chỉnh chiến lược mưu sinh của mình để phù hợp với xu hướng của thời đại. Đây là điểm khởi phát để bài viết này tìm hiểu những nguyên nhân thúc đẩy và chiến lược sinh kế của người Cơ - tu ở khu vực biên giới tỉnh Quảng Nam.

1.2. Khái quát địa bàn nghiên cứu

Quảng Nam (sau ngày 01/07/2025, tỉnh Quảng Nam sáp nhập vào thành phố Đà Nẵng theo Nghị quyết 60-NQ/TW năm 2025) là một tỉnh nằm trên dải đất hẹp miền Trung, có địa hình thấp dần từ Tây sang Đông tạo nên vùng đồi núi cao, trung du và ven biển. Sự đa dạng về điều kiện tự nhiên, cùng vị trí tiếp giáp với Đà Nẵng và thuộc vùng kinh tế trọng điểm Nam Trung Bộ giúp tỉnh Quảng Nam có nhiều cơ hội để phát triển kinh tế. Nhờ đó, cơ cấu kinh tế của tỉnh đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, dịch vụ. Tính trong 9 tháng đầu năm, tổng sản phẩm (GRDP) của tỉnh có mức tăng trưởng 5,9%, quy mô kinh tế đạt gần 91.000 tỷ đồng, đứng thứ 27/63 tỉnh thành trên cả nước [11]. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khác nhau, đặc biệt là điều kiện tự nhiên, dân cư đã dẫn đến sự phát triển không đồng đều giữa các địa phương, hình thành nên một vùng trung du và ven biển giàu có, năng động với một khu vực biên giới rộng lớn - nơi định cư của nhiều dân tộc thiểu số có đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, tỷ lệ nghèo đói cao, ở huyện Tây Giang là 51,61% [9] và huyện Nam Giang là 35,58% [10].

Hiện nay, huyện Nam Giang có dân số là 26.541 người, trong đó có 15.985 người Cơ - tu (hơn 60%) phân bố trên 184.659 ha. Cơ cấu dân số trẻ, với số người từ 15 - 60 tuổi chiếm tỷ lệ

72,6% dân số (15.625 người), tạo nên nguồn lao động phong phú cho địa phương. Tuy nhiên, 62,27% người lao động làm việc trong lĩnh vực nông - lâm - thủy sản, công nghiệp và xây dựng 28,31%, còn lại làm trong ngành dịch vụ [12]. Tại hai điểm nghiên cứu trên địa bàn huyện, chúng tôi cũng nhận được kết quả tương tự. Theo thống kê, dân số của xã La Dêê là 1.723 người, trong đó trẻ em dưới 15 tuổi chiếm 27,8% và số người trong độ tuổi lao động khoảng hơn 60%, nhưng họ chủ yếu canh tác nông nghiệp [13]. Xã Đắc Tôi có 1.089 nhân khẩu, trong đó 630 người trong độ tuổi lao động, chiếm 58% tổng dân số [14]. Nguồn lao động dồi dào này và chiến lược sinh kế của họ có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của địa phương, nhất là người dân đang có xu hướng tham gia vào lĩnh vực phi nông nghiệp.

Tây Giang là nơi định cư lâu đời của người Cơ - tu, họ chiếm tới 95% tổng dân số của huyện [9]. Tại đây, chúng tôi lựa chọn hai xã biên giới Tr'hy và xã Atiêng làm điểm nghiên cứu. Cả hai xã đều mang nét chung về địa hình là đồi núi cao, dốc, hiểm trở, chiếm hơn 80% tổng diện tích tự nhiên. Cả hai xã đều có cơ cấu dân số trẻ, với người Cơ - tu chiếm đại đa số. Xã Tr'hy 97,7% (1.448/1482 người), số người trong độ tuổi lao động từ 16-60 tuổi là 1.089 người (73,4%), dưới 16 tuổi là 708 người (47,8%) và trên 60 tuổi có 52 người [15]. Xã Atiêng có khoảng 3.208 người, chủ yếu là người Cơ - tu (hơn 80%), trong đó, số người ở độ tuổi lao động chiếm khoảng 70% dân số, họ lấy nông nghiệp làm sinh kế chính [16].

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi thực hiện phương pháp quan sát tại thực địa, kết hợp phỏng vấn sâu để tìm hiểu thực trạng sinh kế thông qua mục đích của các hoạt động kinh tế mà người Cơ - tu đang thực hiện. Cùng với đó, chúng tôi dựa trên tiêu chí kích thước mẫu tối thiểu cho phân tích nhân tố khám phá (EFA) là 50, tốt hơn là 100 mẫu trở lên của Hair và cộng sự [17] tiến hành khảo sát và thu thập được thông tin từ 163 hộ người Cơ - tu với 629 nhân khẩu tại hai huyện Tây Giang và Nam Giang trong năm 2023 và 2024, sau đó tiến hành xử lý thông tin trên phần mềm SPSS. Kết hợp hai nguồn thông tin trên với tư liệu thứ cấp và tham khảo ý kiến của các chuyên gia để chỉ ra những yếu tố tác động đến việc xây dựng chiến lược sinh kế của người Cơ - tu.

3. Kết quả và thảo luận

Trong quá trình điền dã tại xã Tr'hy, Atiêng của huyện Tây Giang và xã La Dêê, Đắc Tôi của huyện Nam Giang chúng tôi nhận thấy: nguồn tài nguyên thiên nhiên đang suy giảm, đặc biệt là diện tích nương rẫy, thời tiết cực đoan, văn hóa truyền thống, nhận thức của người dân và chính sách hỗ trợ của Nhà nước là những động lực chính thúc đẩy người dân thực hiện thay đổi chiến lược sinh kế.

3.1. Các yếu tố thúc đẩy người Cơ - tu lựa chọn chiến lược sinh kế mới

3.1.1. Sự thay đổi của điều kiện tự nhiên và tài nguyên

Rừng Trường Sơn là môi trường sống truyền thống của người Cơ - tu, song nó đang bị suy giảm mạnh về diện tích, nguồn động thực vật bởi quá trình khai thác quá mức. Điều này ảnh hưởng lớn đến hoạt động săn bắt, hái lượm, mất an ninh lương thực, nguyên liệu xây dựng, dệt vải và nguồn dược liệu cho y học dân tộc của người dân. Khí hậu vốn có sự phân chia hai mùa khô, mưa rõ rệt, nay thêm diễn biến phức tạp của thời tiết cực đoan, lượng nước vào mùa mưa gia tăng gây ra tình trạng lũ lụt, sạt lở, xói mòn đất khốc liệt hơn. Đất đai là vấn đề cấp thiết của người dân, bởi diện tích đất canh tác vốn chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng diện tích tự nhiên nay lại bị xói mòn, rửa trôi. Xã Atiêng chỉ có 0,97% [18], xã Tr'hy có 15% diện tích đất phù hợp cho canh tác nông nghiệp [15] và tương tự tại hai xã La Dêê và Đắc Tôi. Bên cạnh đó, địa hình bị chia cắt mạnh hình thành mặt cắt nhỏ hẹp dẫn đến không gian cư trú chật hẹp, nhất là người dân thuộc diện tái định cư, mỗi hộ chỉ có 100-150 m², không cho phép người dân mở rộng quy mô chăn nuôi. Chính sách lãnh thổ hóa quốc gia của Nhà nước như quản lý, quy hoạch vào rừng phòng hộ, khu bảo tồn Sông Thanh, xây dựng thủy điện khiến diện tích nương rẫy - loại đất canh tác chính của người dân bị thu hẹp. Thêm vào đó, dân số tự nhiên gia tăng gây sức ép trong việc khai thác nguồn lợi tự nhiên

quá mức, dẫn đến nguồn tài nguyên suy giảm và quá trình tách hộ khiến diện tích đất canh tác bình quân đầu người giảm [19]. Khảo sát 163 phiếu với 162 phiếu hợp lệ, kết quả cho thấy tình trạng thu hẹp quỹ đất sản xuất và nguyên nhân suy giảm như Bảng 1. Ngoài ra, người dân còn cho biết, chất lượng đất canh tác có xu hướng xấu đi, bởi hiện tượng xói mòn, rửa trôi.

Bảng 1. Tình trạng đất và nguyên nhân suy giảm so với năm 2019

Tình trạng đất	Tỷ lệ %	Nguyên nhân suy giảm	Tỷ lệ %
Ít hơn	24,1	Đất bị thu hồi bởi dự án	14,30
Như nhau	67,9	Do gộp đất với nông/lâm trường	4,76
Nhiều hơn	3,7	Do đất đai bạc màu	16,70
Không biết	4,3	Nguyên nhân khác	64,24
Tổng	100	Tổng	100

3.1.2. Chính sách phát triển và kinh tế thị trường

Từ thực trạng đói nghèo kéo dài và chậm phát triển của người Cơ - tu, Chính phủ đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ mang tính chất toàn diện. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (gọi tắt là chương trình 1719) [20]; Chương trình xây dựng nông thôn mới [21]; Chương trình giảm nghèo bền vững [22]; Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người dân vùng thiên tai, khó khăn (là một phần trong các Chương trình trên). Mục tiêu của các chương trình này nhằm: (1) xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt giao thông giúp người dân thuận tiện đi lại, giao lưu phát triển kinh tế; (2) giúp người dân tiếp cận được các dịch vụ xã hội như y tế, giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (3) hỗ trợ người dân xây dựng các mô hình kinh tế, mở rộng qui mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đạt tiêu chuẩn của thị trường thông qua hỗ trợ cây giống, vật nuôi, kỹ thuật canh tác và chăm sóc, nguồn tài chính ưu đãi... Từ đó cải thiện, nâng cao đời sống cho nhân dân, mở ra một vùng kinh tế vùng biên phát triển, đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu.

3.1.3. Những thay đổi trong văn hóa và xã hội

Quá trình giao lưu văn hóa, xã hội và tiếp xúc tộc người, nhất là giao lưu kinh tế, văn hóa với người Kinh, cùng sự phổ cập tin tức từ hoạt động thông tin truyền thông đã làm thay đổi phần nào giá trị văn hóa, nhân sinh quan truyền thống, nhận thức của người Cơ - tu. Từ đó, tạo ra động lực và khát khao tìm kiếm con đường sinh kế mới, nâng cao đời sống vật chất và giá trị tinh thần. Bên cạnh đó, trình độ học vấn của người dân ngày một cải thiện, tỷ lệ học sinh đến trường ở các cấp đạt tỷ lệ cao, với cấp Mầm non và Tiểu học đạt 100%, Trung học cơ sở là 99,6% và Trung học phổ thông (THPT) là 62,67% [23]. Kết quả khảo sát phiếu cũng cho thấy, 46,2% người dân có trình độ học vấn từ THPT trở lên (586/629 người, dữ liệu khuyết là 43 người). Điều này giúp người dân tiếp cận nhiều công việc, ngành nghề khác nhau và tìm kiếm được cơ hội sinh kế mới có thu nhập cao, mang tính ổn định.

3.2. Chiến lược sinh kế của người Cơ - tu

Trong những năm qua, Chính phủ, chính quyền các cấp của tỉnh Quảng Nam, Bộ đội biên phòng và Đoàn kinh tế quốc phòng 207 đã đưa ra nhiều chương trình chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao mức sống cho người Cơ - tu, đảm bảo an ninh quốc phòng nơi biên viễn. Đặc biệt, việc nghiên cứu và áp dụng các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với môi trường tự nhiên, có tính kinh tế cao đã đặt nền móng cho sự hình thành chiến lược sinh kế hộ gia đình của người Cơ - tu hiện nay.

3.2.1. Phát triển trồng trọt theo hướng chuỗi giá trị

Trồng trọt vốn là phương kế sinh tồn truyền thống của người Cơ - tu. Trước kia, người Cơ - tu trồng các giống cây lương thực địa phương như ngô, sắn, lúa nương theo phương thức luân canh trên nương rẫy. Lúa nước ít được gieo trồng bởi tình trạng lũ lụt hàng năm khiến quỹ đất không ổn định. Trong năm 2023, diện tích trồng lúa nước của các địa phương thấp hơn kế hoạch, chỉ đạt từ 54,07% [24] đến 90% [25]. Quá trình sản xuất phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, cùng với giống cây

trồng ngày một thoái hóa dẫn đến năng suất thấp, thiếu ăn và đói nghèo. Đối với cây trồng lâu năm, người dân chủ yếu trồng bởi lời, keo, quế, cao su... nhưng hiệu quả kinh tế chưa cao. Từ thực trạng trên, người dân đã và đang thay đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt dưới sự hướng dẫn, trợ giúp của cán bộ địa phương, bộ đội kinh tế. Hiện nay, bên cạnh việc canh tác lương thực, người dân lựa chọn cây ăn quả, cây dược liệu làm mũi nhọn trong hoạt động sinh kế.

Trong những năm gần đây người Cơ - tu đang đẩy mạnh phát triển mô hình kinh tế vườn đồi dựa trên tiểu dự án đa dạng sinh kế cho người dân của Nhà nước. Họ trồng cây ăn quả như dứa, bưởi da xanh, cam vinh kết hợp chuỗi giá trị kinh tế giúp thu nhập của gia đình có phần khởi sắc. Trong khoảng 5 năm trở lại đây, quy mô và số lượng vườn cây ăn quả không ngừng tăng lên. Tính lũy kế đến cuối năm 2023, trên địa bàn xã Atiêng đã có hơn 100 vườn cây ăn quả, chủ yếu bưởi, dứa... mang lại thu nhập trung bình 20 triệu/ha. Tại xã Tr'Hy, La Dêê, Đắc Tôi cũng tương tự, riêng xã Tr'Hy trong năm 2023 có thêm 9 hộ tham gia mô hình kinh tế vườn với 5 ha cây ăn quả có múi [24] và trong 6 tháng đầu năm 2024 có thêm 42 hộ tham gia mô hình kinh tế trên [26]. Mô hình kinh tế vườn đồi đưa sản phẩm nông nghiệp hướng ra thị trường phần nào làm thay đổi tư duy và nâng cao giá trị kinh tế cho người dân. Song, do hạn chế từ nhiều yếu tố khác nhau, đặc biệt là giao thông đã làm tăng chi phí đầu vào khiến sản phẩm nông nghiệp của người dân không cạnh tranh được so với các vùng khác, hiệu quả kinh tế chưa cao.

Song song với trồng cây ăn quả, cán bộ địa phương triển khai Đề án phát triển cây dược liệu trong dự án đa dạng sinh kế đã giúp người Cơ - tu xây dựng được chiến lược sinh kế mới cho mình. Người dân trồng ba kích, đẳng sâm, gừng, trong đó ba kích là cây trồng chủ lực. Những cây dược liệu này không chỉ phù hợp với môi trường sinh thái của địa phương (khí hậu, thổ nhưỡng, đa dạng sinh học), tri thức dân gian về dược liệu, góp phần duy trì tri thức bản địa mà còn có giá trị kinh tế cao. Bởi vậy, người Cơ - tu đón nhận và không ngừng mở rộng diện tích. Tính lũy kế từ 2015 - 2020, xã Atiêng đã trồng được 57,7 ha cây ba kích, ước tính năm 2021 trồng mới được 20 ha và năm 2023 trồng được 11 ha [25]. Trên địa bàn xã Tr'Hy, số hộ tham gia trồng dược liệu và diện tích trồng mới không ngừng tăng lên. Năm 2022, người dân trồng mới được 25 ha cây ba kích, 1,5 ha cây đẳng sâm và 3 ha cho cây dược liệu khác [27]. Năm 2023 trồng thêm được 20 ha cây ba kích (30 hộ), 10 ha cây dược liệu khác và 13 hộ trồng gừng [28]. Hiện nay, trên địa phận xã Atiêng có hai sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn OCOP là sâm hầm gà và cao đẳng sâm do Hợp tác xã Trường Sơn Xanh sản xuất. Sự phát triển cây trồng theo hướng hàng hóa trong những năm qua đã giúp cho 95/163 (58,3%) hộ dân Cơ - tu có thu nhập từ cây ăn quả và dược liệu. Nhờ đó, thu nhập của những hộ này tăng lên, người dân bắt đầu hình thành tư duy kinh tế thị trường. Tuy vậy, do đặc điểm khí hậu và thổ nhưỡng, cây dược liệu phát triển nhiều trong cộng đồng người Cơ - tu ở huyện Tây Giang. Tại huyện Nam Giang, chính quyền và người dân đang triển khai chương trình trồng sâm Ngọc Linh, sâm Bầy lá, nên chưa thể đánh giá được kết quả.

3.2.2. Chăn nuôi theo hướng thị trường

Trong quá trình tìm hiểu hoạt động chăn nuôi của người dân, chúng tôi được nghe câu chuyện về “con bò nó tự tử”. Sau khi nhận được hỗ trợ bò giống và kỹ thuật chăm sóc từ tiểu dự án đa dạng sinh kế của Nhà nước, người Cơ - tu đã thực hiện chăn dắt, cắt cỏ cho bò. Thế nhưng, tập quán thả rông đã ăn sâu trong tiềm thức của người dân. Họ cộc bò trên rẫy nhưng vài ngày mới thăm nom một lần, khi quay lại bò “đã tự tử” với nhiều vòng chạc cuộn chặt cổ. Câu chuyện trên cho thấy, người dân còn thiếu kỹ năng cơ bản, nhận thức trong vấn đề làm kinh tế. Tuy nhiên, trong khoảng 5-7 năm trở lại đây, dưới sự nỗ lực của cán bộ địa phương, đặc biệt đoàn Kinh tế quốc phòng 207, người dân đang có nhiều thay đổi, từng bước lấy chăn nuôi làm chiến lược thay đổi sinh kế của hộ gia đình. Tại các điểm nghiên cứu, người Cơ - tu vẫn duy trì sự đa dạng vật nuôi, gồm có gia súc và gia cầm như trâu, bò, dê, lợn và gà, vịt với xu hướng tăng số lượng, nhưng không ổn định qua các năm bởi dịch bệnh. Trong đàn gia súc, bò và lợn được nuôi nhiều hơn. Đàn gia cầm cũng có số lượng lớn hơn so với trước kia, trong đó vịt xiêm (ngan), gà được người dân ưa chuộng (số lượng cụ thể xem Bảng 2).

Bảng 2. Tổng đàn gia súc, gia cầm tại các điểm nghiên cứu năm 2023

Loại vật nuôi	Đắc Tôi	La Dêe ¹	Tr'Hy	Atieng
Trâu	15	330	50	36
Bò	337		440	391
Dê	13		80	87
Lợn	329		360	583
Gia cầm	3344	1502	3000	2006

(Nguồn: Số liệu thống kê kinh tế, xã hội của UBND các xã)

Quy mô của mỗi vật nuôi được mở rộng, trong đó gia cầm có số lượng từ vài chục con trở lên, lợn cũng được nuôi từ vài con đến khoảng 20 con gồm lợn nái và lợn thịt. Phương thức nuôi nhốt, cùng các biện pháp tiêm chủng phòng dịch bệnh đã được áp dụng nhằm nâng cao chất lượng, đưa sản phẩm ra thị trường. Dưới sự trợ giúp của đoàn Kinh tế - Quốc phòng, mô hình chăn nuôi nhóm hộ đã hình thành. Thị trường tiêu thụ sản phẩm đang trong quá trình tiếp cận khách hàng, chưa ổn định nhưng có tính khả thi. Nhờ đó, chăn nuôi đã mang lại nguồn thu nhập quan trọng cho nhiều hộ dân. 52/163 hộ được khảo sát cho biết, bò và lợn là hai vật nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao, cải thiện thu nhập cho người dân. Bởi vậy, không ít gia đình đã lấy chăn nuôi làm mục tiêu chiến lược sinh kế của mình, nhất là các gia đình trẻ. Một số người sau khi tham gia Tri thức trẻ tình nguyện tại đoàn Kinh tế quốc phòng 207 đã tích lũy được kiến thức, kinh nghiệm kết hợp với kiến thức học qua Internet và tìm được hướng đi mới cho mình trong chăn nuôi thông qua mô hình nuôi dúi, một vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp nhu cầu thị trường.

3.2.3. Cố gắng vượt qua rào cản văn hóa đi làm thuê

Làm thuê và di cư lao động là xu hướng mới trong chiến lược sinh kế của người Cơ - tu. Tuy chưa có sự lượng hoá chính xác về sự đóng góp của lĩnh vực này cho thu nhập của hộ gia đình nhưng nó đang dần trở thành xu hướng trong chiến lược sinh kế của họ. Làm thuê của người Cơ - tu bao gồm làm công nhân tại các công ty, trang trại, làm công nhật thời vụ hay phục vụ tại nhà hàng, quán ăn... Theo kết quả khảo sát, 38/163 hộ cho biết có thu nhập từ làm thuê, và có đóng góp nhất định vào kinh tế gia đình. Một người dân cho biết, “từ khi cháu nó đi làm công nhân dưới Đà Nẵng, hàng tháng đều gửi tiền về, gia đình cũng bớt khó khăn hơn” (PVS nữ, hơn 40 tuổi, xã Tr'Hy). Dưới sự động viên của cán bộ thuộc dự án hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, một số người đã sang Lào làm việc cho công ty Thagrico với mức lương 6-7 triệu đồng/tháng và làm công nhân tại Đà Nẵng. Mức thu nhập từ làm thuê chưa cao, thường dao động trong khoảng 5-7 triệu/tháng, nhưng có ý nghĩa rất lớn đối với kinh tế của nhiều gia đình. Thế nhưng, nhiều người khi đi làm xa trong khoảng thời gian ngắn lại bỏ việc, nhất là những người đã có gia đình. Bởi văn hóa truyền thống, các mối quan hệ gia đình, dòng họ, tính cố kết, tương trợ cao trong cộng đồng vẫn ăn sâu trong tâm trí họ, nên khi dịch chuyển lao động xa luôn cảm thấy bất ổn, lo lắng, mệt mỏi, không thích nghi được với môi trường sống và công việc mới, muốn quay trở lại. Tuy nhiên, nhóm tuổi từ 18-30 đang cố gắng vượt qua rào cản văn hóa truyền thống, tham gia nhiều hơn vào lực lượng công nhân tại các khu công nghiệp để mở ra con đường mới cho sự phát triển của bản thân và gia đình.

3.3. Vấn đề thảo luận

3.3.1. Cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông, Internet

Như đã trình bày ở trên, giao thông là một trong những trở ngại lớn đối với sự phát triển kinh tế của người dân. Hiện nay, chất lượng đường giao thông tại các địa phương rất xấu, hẹp nhất là tuyến đường 14D từ thị trấn Thạch Mỹ đến cửa khẩu Nam Giang, khiến việc giao thương của người dân gặp nhiều khó khăn. Điều này làm chi phí sản xuất nông nghiệp tăng lên, sản phẩm làm ra không bán được. “Giá vịt xiêm ở dưới xuôi chỉ 60.000/kg, với giá này thì dân ở đây không có lời, muốn giá cao hơn thì lái buôn không mua vì họ mất phí vận chuyển xa” (PVS nam giới, 29 tuổi, xã

¹ Xã La Dêe không có thống kê cụ thể cho từng loại gia súc, gia cầm.

Tr'hy). Do địa hình phức tạp, tín hiệu điện thoại, Internet cũng không tốt. Bởi vậy, Nhà nước cần có giải pháp đẩy mạnh phát triển giao thông để giảm chi phí đầu vào, hạ giá thành, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm nông nghiệp của người dân. Đồng thời, đẩy mạnh phổ cập thương mại điện tử, giúp người dân có thêm kênh tiêu thụ sản phẩm, nhất là sản phẩm dược liệu khô.

3.3.2. Tập trung phát triển cây dược liệu và mở rộng thị trường tiêu thụ

Trong quá trình hỗ trợ người dân phát triển kinh tế thông qua các cây trồng, bên cạnh một số loại cây chưa mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu như cam vịnh, bưởi da xanh thì cây dược liệu ba kích, đẳng sâm đã và đang chứng tỏ tiềm năng kinh tế vượt trội, đồng thời phù hợp với khí hậu và thổ nhưỡng của địa phương. Việc lựa chọn và phát triển các cây này còn được củng cố bởi tri thức bản địa về dược liệu của người dân, giúp họ phát huy tối đa lợi thế truyền thống. Bởi vậy, Nhà nước cần có chiến lược quy hoạch và nghiên cứu các sản phẩm chiết xuất từ các cây trên nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng, mang lại lợi ích tối đa cho cộng đồng. Trên cơ sở đó, xây dựng nhà máy chế biến, mở rộng vùng nguyên liệu để một mặt khai thác tốt nhất tiềm năng của đất nước, mặt khác giải quyết việc làm, mang lại thu nhập và nâng cao mức sống cho người dân. Bên cạnh đó, tăng cường hỗ trợ tài chính, khoa học kỹ thuật giúp người dân tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt hơn. Đối với chăn nuôi, cần hỗ trợ kỹ thuật, khoa học giúp người dân mở rộng, nâng cao chất lượng các vật nuôi có lợi thế tự nhiên, phù hợp thị trường như dúi. Hơn nữa, Chính phủ cần giúp người dân hình thành chuỗi giá trị kinh tế (value chain) nhằm nâng cao hiệu quả trồng trọt, chăn nuôi, tăng cường lợi thế cạnh tranh, tối đa hóa lợi nhuận.

3.3.3. Giúp người dân tham gia hoạt động phi nông nghiệp

Sự dịch chuyển lao động từ nông thôn, miền núi đến các khu công nghiệp đã trở thành xu hướng trên cả nước. Bởi quá trình này tạo ra việc làm, mang lại thu nhập, khiến kinh tế, văn hóa và xã hội của nhiều tộc người thay đổi theo hướng tích cực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế. Do vậy, các nhà chức trách cần có sự phối hợp với các doanh nghiệp thu hút người dân tham gia lực lượng công nhân tại các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh. Đồng thời, có các giải pháp giúp người dân vượt qua rào cản văn hóa, từng bước hòa nhập với môi trường mới.

4. Kết luận

Người Cơ - tu định cư lâu đời ở dãy núi Trường Sơn có nguồn tài nguyên phong phú đã nuôi dưỡng và góp phần tạo nên bản sắc văn hóa, giá trị nhân sinh quan của họ. Song, sự biến đổi về môi trường sống, điều kiện tự nhiên, dân số, chính sách của nhà, bối cảnh xã hội và đặc biệt là nhu cầu của bản thân đã thúc đẩy người Cơ - tu tìm kiếm chiến lược sinh kế mới. Trong lĩnh vực trồng trọt, người Cơ - tu thực hiện thay đổi cơ cấu cây trồng, mở rộng quy mô sản xuất theo hướng hàng hóa, áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm và hướng đến thị trường. Đặc biệt, người dân lấy việc tập trung phát triển cây dược liệu có giá trị kinh tế cao như ba kích, sâm làm cây trồng chính, mang tính chiến lược nhằm khai thác tốt nhất lợi thế sẵn có của địa phương.

Trong chăn nuôi, tuy vẫn nuôi gia súc, gia cầm nhưng người dân đang từ bỏ thói quen thả rông kém hiệu quả chuyển sang phương thức nuôi nhốt, có tính khoa học hơn. Họ mở rộng quy mô chăn nuôi, kèm theo việc áp dụng quy trình chăm sóc mới, hình thành các mô hình trang trại liên kết nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong các vật nuôi, bò và lợn đang là lựa chọn tốt nhất, mang lại hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với môi trường và điều kiện tự nhiên của địa phương. Gần đây, việc nuôi dúi - một vật nuôi có giá trị kinh tế cao và phù hợp với nhu cầu thị trường đang trở thành một lựa chọn mới, đầy tiềm năng được một vài người Cơ - tu bắt đầu thực hiện. Ngoài việc lựa chọn cây trồng, vật nuôi tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế, người Cơ - tu cũng đang tích cực tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp. Sự dịch chuyển lao động theo hướng này giúp người dân đa dạng hóa nguồn thu nhập, cải thiện đáng kể mức sống và góp phần nâng cao vị thế kinh tế của hộ gia đình. Như vậy, những thay đổi trên trong chiến lược sinh kế không chỉ thể hiện tính năng động và khả năng thích ứng của người Cơ - tu mà còn cho thấy tư duy kinh tế của họ đang phát triển, từng bước vượt qua các rào cản truyền thống để hòa nhập, vươn lên trong xã hội hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] General Statistics Office, *Statistical Yearbook of Viet Nam*. Statistical Publishing House, 2022.
- [2] Institute of Anthropology, *Ethnic minorities in Vietnam (Northern provinces, reprint with additions)*. Social Sciences Publishing House, Hanoi, 2014.
- [3] V. H. Vo, *The Co tu's Folk culture, tradition, change and adaptability*. Ha Noi Nation University Publishing House, Hanoi, 2022.
- [4] V. L. Pham, "Preserving and Promoting the cultural values of the Co tu people in the construction of hamlet/villages and house (Agrong hamlet, Atieng commune, Tay Giang district, Quang Nam province)," *Journal of Ethnic Minorities Research*, vol. 8, no. 3, pp. 114-121, 2019.
- [5] T. T. Nguyen, "Livelihood issues of people in the hydropower resettlement area of Quang Nam province," *Vietnam Social Sciences*, vol. 1, pp. 73-81, 2020.
- [6] M. N. Dang, "Changes in farming activities of resettled Co tu people at Song Bung 4 hydropower plant, Quang Nam province," *Anthropology Review*, no. 5, pp. 87-97, 2021.
- [7] M. N. Dang, "Livelihoods of the Co tu people in the resettlement area of Song Bung 4 hydropower plant (Research in village 2, Ta Po commune, Nam Giang district, Quang Nam province)," *Anthropology Review*, no. 6, pp. 76-84, 2018.
- [8] T. T. H. Pham, "Social networks and livelihoods of the Co tu people in the A Vuong hydropower resettlement area and the Ca Dong people in the Song Tranh 2 hydropower resettlement area, Quang Nam province," *Anthropology Review*, no. 3, pp. 29-39, 2020.
- [9] People's Committee of Tay Giang district, *Report on the implementation of the Ethnic Affairs Strategy for the period 2021-2030, with a vision to 2045*, 2023.
- [10] A. Lan, "Sustainable poverty reduction in difficult areas," 2024. [Online]. Available: <https://baotainguyenmoitruong.vn/nam-giang-quang-nam-giam-ngheo-ben-vung-tren-vung-dat-kho380243.html>. [Accessed December 25, 2024].
- [11] H. Quang, "Quang Nam economy grow 5.9% in first 9 months of the year," 2024. [Online]. Available: <https://quangnam.gov.vn/kinh-te-quang-nam-tang-truong-5-9-trong-9-thang-dau-nam-58961.html>. [Accessed December 16, 2024].
- [12] People's Committee of Nam Giang district *Annual employment situation*, 2023.
- [13] People's Committee of La Dee commune, *Report on the situation in the first 6 months of the year and orientation for the last 6 months of 2023*, 2023.
- [14] People's Committee of Tac Toi Commune, *Report on the implementation results of the National Target Program on New Rural Construction in 2024, proposing targets, tasks and solutions for implementation in 2025*, 2024.
- [15] People's Committee of Tr'hy commune, *Disaster response plan according to risk levels in Tr'hy commune in 2021*, 2021.
- [16] People's Committee of Atieng Commune, *Project on comprehensive rural economic development, increasing income for rural people in the period 2022-2025, with a vision to 2030 in Atieng commune, Tay Giang district*, 2021.
- [17] J. Hair, W. C. Black, B. J. Babin, R. E. Anderson, and R. Tatham, *Multivariate Data Analysis*, vol. 2, New Jersey: Pearson Prentice Hall, 2010.
- [18] Atieng Commune Party Executive Committee, *History of revolutionary struggle and construction of Atieng commune (1945-2020)*. Unpublished version, 2019.
- [19] N. B. Nong, "Livelihood transformation among the local ethnic minorities in the central west coast region - current situation and issues," *Journal of Ethnic minorities research*, vol. 9, no. 3, pp. 17-23, 2020.
- [20] Prime Minister, *Decision No. 1719/QĐ-TTg Approving the National Target Program on Socio-Economic Development in Ethnic Minority and Mountainous Areas for the 2021-2030 Period, Phase I: from 2021 to 2025*, 2021.
- [21] Prime Minister, *Decision No. 263/QĐ-TTg Approving the National Target Program on New Rural Construction for the 2021 - 2025 period*, 2022.
- [22] Prime Minister, *Decision No. 90/QĐ-TTg Approving the National Target Program on Sustainable Poverty Reduction for the 2021 - 2025 period*, 2022.
- [23] People's committee of Tay Giang district, *Report of Results of ethnic work and people's policies in 2023, directions and tasks in 2024*, 2023.
- [24] People's Committee of Tr'hy commune, *Report on agricultural production results in 2023 and agricultural production plan in 2024*, 2023.
- [25] People Committee of Atieng commune, *Report on the implementation of the socio-economic development plan, national defense and security in 2023; directions and tasks in 2024*, 2023.
- [26] People's committee of Tr'Hy commune, *Report on agricultural production situation in the commune*, 2024.
- [27] People's Committee of Tr'hy commune, *Comparison table of results of implementing agricultural production targets and plans in 2020 and 2023*, 2023.
- [28] People's Committee of Tr'hy commune, *Results of agricultural production in winter-spring crop 2023-2024*, 2024.